

Bản án số: 94/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-12-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Phương Châu;

2. Ông Trần Trọng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 337/2025/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà Thái Thụy A, sinh năm 1991;

Căn cước công dân số: 082191015736 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04 tháng 4 năm 2023.

Nơi cư trú: Số B, Đ, phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn:

Ông Thượng Văn T, sinh năm 1993;

Căn cước công dân số: 083093010736 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021.

Nơi cư trú: Số F, khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

(Bà A có yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Thái Thụy A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Thượng Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 28/6/2018. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Hiện bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông T không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung tên Thượng Nhất H, sinh ngày 21/4/2018 và Thượng Thiên D, sinh ngày 13/10/2020, hiện cháu H và cháu D đang sống cùng bà A. Sau khi ly hôn, bà A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung, yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), tính từ ngày xét xử cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thượng Văn T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, còn bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thụy A được ly hôn với ông Thượng Văn T. Ghi nhận bà A không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

Bà Thái Thụy A được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Thượng Nhất H, sinh ngày 21/4/2018 và Thượng Thiên D, sinh ngày 13/10/2020, hiện cháu H và cháu D đang sống cùng bà A.

Buộc ông Thượng Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con tên Thượng Nhất H, sinh ngày 21/4/2018 và Thượng Thiên D, sinh ngày 13/10/2020 mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2026 cho đến khi cháu H và cháu D đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

+ Về án phí tuyên theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Thượng Văn T là bị đơn có nơi cư trú tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 (Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc hội).

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Thái Thụy A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà A là phù hợp.

Bị đơn ông Thượng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng ông T không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa ông T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà A sau khi kết hôn, bà và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với ông T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà A và ông T thực tế là có xảy ra và giữa hai người đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng, thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập ông T để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không đến. Tại phiên tòa, ông T vẫn tiếp tục vắng mặt. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông T là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung tên Thượng Nhất H, sinh ngày 21/4/2018 và Thượng Thiên D, sinh ngày 13/10/2020, hiện cháu H và cháu D đang sống cùng bà A. Sau khi ly hôn, bà A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung và yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), tính từ ngày xét xử cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu H và cháu D từ trước đến nay sống cùng bà A và nguyện vọng của cháu H cũng muốn tiếp tục sống cùng với bà A; mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, ông T cũng không có văn bản trình bày ý kiến tranh chấp về việc nuôi con chung với bà A. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho

sự phát triển tốt về thể chất, lẫn tinh thần của cháu H và cháu D, Hội đồng xét xử giao hai con chung cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà A yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), tính từ ngày xét xử cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Nhằm để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các con chung thì việc bà A yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024 NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Hiện nay ông T đang cư trú tại phường P, tỉnh Vĩnh Long thuộc vùng II, mức lương tối thiểu của vùng II hiện là 4.410.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà A xác định chỉ yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A khai không có nên không xét đến.

[5] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ông T có nghĩa vụ chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 01/2024 NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thụy A đối với bị đơn ông Thượng Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thụy A được ly hôn với ông Thượng Văn T. Ghi nhận bà A không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

Bà Thái Thụy A được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Thượng Nhất H, sinh ngày 21/4/2018 và Thượng Thiên D, sinh ngày 13/10/2020, hiện cháu H và cháu D đang sống cùng bà A.

Buộc ông Thượng Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con tên Thượng Nhất H, sinh ngày 21/4/2018 và Thượng Thiên D, sinh ngày 13/10/2020 mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng), tương đương cấp dưỡng cho mỗi người con là 2.000.000 đồng/tháng, tiền cấp dưỡng do bà Thái Thụy A đại diện nhận. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2026 cho đến khi cháu H và cháu D đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về nợ chung, tài sản chung: Bà A khai không có nên không xét đến.

2. Về án phí:

Bà Thái Thụy A phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà

A đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005210 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà A đã nộp đủ án phí.

Ông Thượng Văn T có nghĩa vụ chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm My